

THỰC TRẠNG VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN THỎA THUẬN VỀ BIÊN GIỚI ĐẤT LIỀN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÁNG GIỀNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Current Situation and Impact Factors on the Implementation of Land Border Agreements between Vietnam and its Neighboring Countries

Vũ Quý Sơn^{(1)*}, Nguyễn Thị Vĩnh Trân⁽²⁾

⁽¹⁾Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

⁽²⁾Học viện Hàng không Việt Nam

TÓM TẮT

Bài viết tập trung thảo luận việc triển khai thực hiện các văn bản thỏa thuận về biên giới đất liền giữa Việt Nam và ba nước láng giềng, đồng thời, phân tích các nhân tố tác động thuận lợi và không thuận lợi đến việc thực hiện kể trên. Bài viết cho rằng việc ký kết và thực hiện các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương và đa phương về biên giới đất liền của Việt Nam được thúc đẩy bởi quyết tâm chính trị và quan hệ song phương giữa các bên, vai trò của luật pháp quốc tế và các tổ chức đa phương tạo nền tảng cho việc phân giới, cắm mốc và quản lý biên giới hiệu quả, góp phần ngăn ngừa tranh chấp, xâm canh, xâm cư. Những thành tựu nổi bật thể hiện ở việc hoàn tất khung pháp lý và kỹ thuật cho hoạch định biên giới đất liền. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của tình hình chính trị, di sản lịch sử, chủ nghĩa dân tộc, các vấn đề kỹ thuật, điều kiện tự nhiên và xã hội. Những nhân tố kể trên có ảnh hưởng khác nhau ở mỗi tuyến biên giới.

Từ khóa: thực trạng, nhân tố, văn bản, biên giới đất liền, Việt Nam, láng giềng

ABSTRACT

This article focuses on discussing the current implementation status of land border agreements between Vietnam and its three neighboring countries. Simultaneously, it analyzes the favorable and unfavorable factors affecting such implementation.

The main argument is that the signing and execution of bilateral and multilateral treaties, agreements, and understandings regarding Vietnam's land borders are primarily driven by the political determination and bilateral relations among the involved parties. Furthermore, the role of international law and multilateral organizations provides a crucial foundation for effective border delimitation, marker installation, and border management. These efforts contribute significantly to preventing disputes, and various non-security issues. Notable achievements are evident in the completion of the legal and technical framework for land border delimitation. However, the implementation process continues to face numerous challenges stemming from the influence of political situations, historical legacies, and nationalism. These factors exert varying degrees of impact on different sections of the border.

Keywords: current situation, factors, documents, land border, Vietnam, neighboring countries

*Tác giả liên hệ: vuquysonvnics@gmail.com

1. Mở đầu

Việt Nam có ba tuyến biên giới đất liền tiếp giáp ba quốc gia láng giềng Trung Quốc, Lào và Campuchia. Đáng chú ý rằng vấn đề biên giới lãnh thổ luôn đóng vai trò then chốt trong chiến lược bảo vệ chủ quyền, ổn định an ninh quốc gia cũng như thúc đẩy hợp tác khu vực. Quản lý biên giới không đơn thuần là giữ vững đường biên, mà còn là tạo lập một môi trường hoà bình, ổn định để phát triển bền vững. Các văn bản thỏa thuận giữa Việt Nam và ba nước láng giềng chủ yếu là các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương và đa phương về biên giới đất liền giữa Việt Nam và ba nước láng giềng, việc thực hiện các văn bản song phương và đa phương kể trên đã đóng góp vào mục tiêu về quản lý biên giới. Trong đó, văn bản đa phương được kí kết bởi Việt Nam, Campuchia và Lào, tương tự, Việt Nam, Lào và Trung Quốc về giao điểm ba nước biên giới.

Bài viết tập trung trả lời câu hỏi những nhân tố bên nội tại của Việt Nam và ba nước láng giềng tác động như thế nào đến việc thực hiện các văn bản hợp tác về biên giới đất liền, trên cơ sở, xác định thực trạng triển khai ra sao? Quan điểm bài viết cho rằng hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương và đa phương về biên giới đất liền giữa Việt Nam đã được thực hiện dưới sự quyết tâm chính trị của các bên, thúc đẩy hoàn thành phân giới và cắm mốc trên tuyến biên giới đất liền của Việt Nam, tạo cơ sở để các ngành chức năng tiến hành quản lý biên giới một cách hiệu quả, ngăn ngừa tranh chấp biên giới và các hiện tượng xâm canh, xâm cư do thiếu hiểu biết; mở ra cơ hội mới cho công cuộc phát triển của mỗi nước, tạo điều kiện cho các đường biên giới hai bên mở rộng hợp tác. Các thành tựu nổi bật hiện nay chủ yếu thể hiện ở việc hoàn thành kí kết các

hiệp định, hiệp ước và thỏa thuận song phương về hoạch định biên giới quốc gia, phân giới cắm mốc, quản lý biên giới vvv... Việc thực hiện hiện vẫn tồn tại một số vấn đề và chịu tác động từ các nhân tố như tình hình chính trị mỗi nước, ý chí chính trị các nhà lãnh đạo, vấn đề do lịch sử để lại, tinh thần chủ nghĩa dân tộc, vai trò của luật pháp quốc tế và các tổ chức đa phương. Tuyến biên giới Việt Nam hiện tồn tại những vấn đề chung, đồng thời, từng tuyến biên giới tồn tại nhiều khác biệt.

2. Thực trạng triển khai các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận, nghị định thư về biên giới đất liền

Việt Nam và Trung Quốc, Lào, Campuchia đã hoàn thành kí kết các hiệp ước, hiệp định về biên giới với khoảng 22 văn kiện khác nhau. Hiện nay, các văn bản liên quan đến biên giới đất liền chủ yếu tập trung vào các nhóm nội dung. Nhóm thứ nhất là các hiệp định hoạch định biên giới quốc gia (biên giới đất liền). Nhóm thứ hai là các hiệp định phân giới cắm mốc như các nghị định thư phân giới và cắm mốc, hoặc văn kiện biên giới trên đất liền, hiệp định bổ sung/điều chỉnh các hiệp định hoạch định kể trên. Nhóm thứ ba là hiệp định hoặc quy định về quy chế biên giới, các hiệp định về quản lý người di cư tự do, hôn nhân biên giới (mới chỉ kí kết với Lào), hiệp định xác định giao điểm đường biên giới ba nước, các văn bản về hợp tác phát triển cửa khẩu, vùng biên giới, các hiệp định thúc đẩy hợp tác về du lịch, đi lại, hiệp ước về hòa bình hữu nghị vvv...

Cụ thể, hiệp ước hoạch định biên giới là loại văn bản song phương có tính chất nền tảng, xác định chính thức đường biên giới giữa hai quốc gia trên bản đồ và mô tả thực địa như “Hiệp ước hoạch định biên giới Việt Nam – Lào (1977)” (Trúc, 2021, p. 70) và

“Hiệp ước hoạch định biên giới Việt Nam – Campuchia (1985)” (Trúc, 2021, p. 55), “Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc (1999)” (Vũ, 2011, p. 249). Các văn kiện này được coi là những cam kết song phương có giá trị pháp lý cao nhất, là cơ sở để thực hiện các bước tiếp theo như cắm mốc, quản lý biên giới,... Trên cơ sở của các hiệp ước, hiệp định kể trên, hoạt động phân giới và cắm mốc kể trên được thực hiện trong khuôn khổ của các nghị định thư và hiệp định phân giới và cắm mốc. Đây được coi là bước kỹ thuật, hiện thực hóa ranh giới qua hoạt động đo đạc, xác lập vị trí mốc quốc giới giữa Việt Nam và ba nước láng giềng. Mục tiêu hoàn thành các nghị định thư kể trên thể hiện nỗ lực chấm dứt tranh chấp tiềm ẩn, củng cố quan hệ ngoại giao và hợp tác biên giới giữa Việt Nam và ba nước. Hiện nay, Việt Nam đã ký kết nghị định thư với Trung Quốc năm 2009 (Vũ, 2011), và với Campuchia năm 2019, và với Lào năm 1986 (Bộ Quốc phòng Việt Nam, 2019, p. 113). Các hiệp định về quy chế biên giới và cửa khẩu tập trung xây dựng các nguyên tắc, quản lý, tuần tra, phòng chống tội phạm, cư trú và hoạt động phát triển kinh tế biên giới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý an ninh biên giới, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu. Ngoài ra, Việt Nam và ba nước láng giềng đã ký kết các thỏa thuận bổ sung, các biên bản ghi nhớ, xác định các giao điểm ba nước biên giới Việt Nam – Trung Quốc- Lào, Việt Nam – Lào – Campuchia (Bộ Quốc phòng Việt Nam, 2019, p. 115).

Thứ hai, việc ký kết các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam và ba quốc gia láng giềng cho thấy những đặc thù riêng trên ba tuyến biên giới của Việt Nam. Đến năm 2019, Việt Nam và Campuchia mới đi đến

ký Hiệp ước bổ sung năm 2019 và Nghị định thư phân giới cắm mốc (Minh, 2025). Hiệp ước và nghị định thư kể trên đã tạo nền tảng cho Việt Nam và Campuchia xác định thành quả phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền (Bộ Quốc phòng Việt Nam, 2019), đồng thời, được coi là khung pháp lý quan trọng cho việc quản lý, bảo vệ và phát triển đường biên giới trên đất liền (Minh, 2025). Trong khi đó, Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam và Lào đã hoàn thành ký kết các hiệp định, hiệp ước, văn bản ghi nhớ về biên giới. Cụ thể hơn, Việt Nam và Trung Quốc đã ký 6 hiệp ước, hiệp định về biên giới liên quan đến phân định biên giới, quy chế quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu, tàu thuyền đi lại, bảo vệ và khai thác tài nguyên trên biên giới hai nước. trên tuyến biên giới Việt Nam – Lào (Bộ Quốc phòng Việt Nam, 2019).

Trong khi đó, cho đến năm 2025, Việt Nam và Campuchia vẫn tồn tại một phần nhỏ đường biên giới chưa được phân định, và tiến hành phân giới cắm mốc. Cụ thể hơn, tính đến tháng 10 năm 2019, Việt Nam và Campuchia đã hoàn thành phân giới được 1.045 km đường biên giới đất liền; đã xây dựng được 315 cột mốc chính; 1.511 cột mốc phụ; 221 cọc dấu; hoàn thành khoảng 84% khối lượng công tác phân giới cắm mốc trên tuyến biên giới hai nước, hoàn thành bộ bản đồ địa hình biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia theo tỷ lệ 1/25.000 (Thao, 2021). Ngoài ra, Việt Nam và Campuchia còn khoảng 16% chiều dài đường biên giới, tương đương khoảng 213 km, vẫn chưa hoàn thành phân giới và cắm mốc (PGCM) (Hà, 2025). Trong khi đó, trên cơ sở thực hiện Hiệp định hoạch định biên giới quốc gia Việt Nam – Lào năm 1977, hai bên đã phối hợp phân giới cắm mốc trên toàn tuyến biên giới. Từ năm 2008-2016, hai nước đã phối hợp xác định và xây dựng

được 905 vị trí, tương ứng với 1.002 cột mốc (Tĩnh, 2024). Trên tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc, hai bên đã hoàn tất đàm phán và giải quyết các khác biệt trên thực địa, phân giới xong toàn bộ tuyến biên giới đất liền dài khoảng 1.400 km, trong đó có gần 400 km đường biên giới đi theo sông suối, cắm 1971 cột mốc; bao gồm 1549 cột mốc chính, 422 cột mốc phụ (Giang, 2009).

3. Nhân tố tác động đến việc thực hiện các văn bản hợp tác về biên giới đất liền

3.1. Nhân tố tác động đến thực thi các văn bản hợp tác trên tuyến biên giới Việt Nam

3.1.1. Thuận lợi

Hiện nay, nhận thức chung của Việt Nam và ba nước láng giềng, sự ổn định chính trị và phát triển trên từng quốc gia, trong đó vấn đề kinh tế - xã hội được coi là những nhân tố thúc đẩy Việt Nam và ba nước láng giềng đi đến kí kết các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương về biên giới đất liền. Cụ thể hơn, nhận thức chung các nhà lãnh đạo các bên về tầm quan trọng của việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Trong đó, các nhà lãnh đạo của Việt Nam và các nước láng giềng đã từng đưa ra những quan điểm thúc đẩy vùng biên giới thành các khu vực phát triển (Sch, 2025). Lãnh đạo cấp cao Việt Nam và ba nước láng giềng, trong các cuộc gặp song phương và đa phương, đều khẳng định mong muốn xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới, tạo thuận lợi cho giao lưu kinh tế, thương mại, văn hóa và nhân dân qua lại biên giới (Tum, 2025). Hơn nữa, các bên nhất trí tìm kiếm các giải pháp cơ bản lâu dài trên cơ sở luật pháp quốc tế (Đông, 2021). Các bên cam kết

manh mẽ giải quyết mọi tranh chấp, bắt đầu liên quan đến biên giới, lãnh thổ bằng các biện pháp hòa bình, thông qua thương lượng, hiệp thương hữu nghị, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, luật pháp và thực tiễn quốc tế (Đông, 2021).

Sự ổn định chính trị đối nội và chính sách thúc đẩy phát triển biên giới của từng nước được coi là những nhân tố tác động thuận lợi nhằm thúc đẩy. Việt Nam và ba nước láng giềng đều là những quốc gia có nền chính trị ổn định trong thời gian dài. Trong đó, Việt Nam và Trung Quốc đều là những quốc gia xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào kể từ khi giành được độc lập cho tới nay. Campuchia được đặt dưới sự lãnh đạo lâu dài của Đảng Nhân dân Campuchia (Reuters, 2023). Sự ổn định kể trên đã tạo ra tính nhất quán trong các chính sách của từng nước quốc gia trong nhiều chính sách, bao gồm chính sách đối ngoại, chính sách phát triển kinh tế, chính sách phát triển biên giới vvv... Hơn nữa, vùng biên giới là khu vực tương đối yếu thế và mẫn cảm với việc thay đổi chính sách. Do đó, việc duy trì tính nhất quán trong các chính sách liên quan đóng vai trò quan trọng thực hiện hiệu quả các hiệp định, hiệp ước, văn bản ghi nhớ, nghị định thư về biên giới đất liền. Cùng với đó, quan hệ song phương ổn định được coi là nền tảng cho việc thúc đẩy hiện quả Việt Nam có quan hệ đặc biệt với ba nước láng giềng, trong đó quan hệ Việt Nam- Trung Quốc được được phát triển thành Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện từ năm 2008 và nỗ lực cùng xây dựng “Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam – Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược” (Vân, 2023). Tương tự, quan hệ Việt Nam – Lào tiếp tục được nhấn mạnh là mối quan hệ đặc biệt được tạo dựng từ trong lịch sử (Trần Thị

Thu Phương & Đức, 2025). Trong khi đó, quan hệ Việt Nam – Campuchia là quan hệ “láng giềng tốt đẹp, hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện, bền vững lâu dài” (Cường, 2024). Nói chung, sự ổn định chính trị và quan hệ song phương không ngừng phát triển lành mạnh coi là một trong những nhân tố thúc đẩy Việt Nam và ba nước láng giềng thực hiện hiệu quả các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận, nghị định thư, thỏa thuận về biên giới đất liền.

Cùng với đó, vai trò của luật pháp quốc tế và các tổ chức đa phương khu vực là yêu tố thúc đẩy Việt Nam và các nước láng giềng nỗ lực thực thi các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận, nghị định thư, thỏa thuận song phương và đa phương về biên giới. Cụ thể hơn, ủng hộ việc giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới dựa trên các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đặc biệt là Hiến chương Liên hợp quốc; tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ (Thành, 2024). Các chuẩn mực quốc tế cũng khuyến khích hợp tác giải quyết các vấn đề xuyên biên giới như tội phạm, môi trường, bao gồm “Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia”, “Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em vv... (Huong & Vu, 2023; Yusran, 2018)

Vai trò thúc đẩy các tổ chức khu vực ASEAN trong việc thực thi các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương về biên giới. Mặc dù, tổ chức ASEAN và các cơ chế chủ yếu tập trung vào hội nhập kinh tế khu vực, xây dựng cộng đồng chính trị - an ninh và duy trì vai trò trung tâm trong cấu trúc khu vực, không trực tiếp tham gia vào quá trình PGCM song phương, tuy nhiên, các khuôn khổ và cơ chế của ASEAN, bao gồm Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á(TAC), Diễn đàn Khu vực ASEAN

(ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN (ADMM) đã góp phần thúc đẩy môi trường hòa bình, ổn định, đối thoại và hợp tác trong khu vực. Từ đó, các cơ chế kể trên đã gián tiếp hỗ trợ việc quản lý biên giới hòa bình. Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông và hợp tác trong ASEAN về chống tội phạm xuyên quốc gia và quản lý thiên tai vv.. đã tạo ra những khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương cho Việt Nam trong quản lý các vấn đề an ninh phi truyền thống tại khu vực biên giới, bao gồm sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng về chống mua bán người ở khu vực sông Mê Kông cũng tuân thủ chặt chẽ khuôn khổ Nghị định thư Palermo (Thanh, 2025). Cho đến nay, Việt Nam tiếp tục được coi là thành viên tích cực và có trách nhiệm trong ASEAN. Do đó, động lực để Việt Nam tiếp tục thực hiện các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương về biên giới đất liền với các nước láng giềng tiếp tục được thúc đẩy.

3.1.2. Hạn chế

Thứ nhất, Việt Nam và ba nước láng giềng cũng gặp phải những thách thức chung trong việc phân giới và cắm mốc, quản lý và phát triển biên giới. Trong đó, việc đàm phán về biên giới giữa Việt Nam và ba nước trải qua quá trình lâu dài chủ yếu đến từ các yếu tố kỹ thuật gây khó khăn các hoạt động phân giới và cắm mốc, đồng thời thực thi hiệu quả các hiệp định, hiệp ước song phương về quản lý và hợp tác trên tuyến biên giới đất liền. Các yếu tố kỹ thuật đến từ đặc trưng địa hình vùng biên giới của Việt Nam với ba nước láng giềng tương đối hiểm trở; chủ yếu tập trung ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, đồng thời, trình độ phát triển của Việt Nam và ba nước kể trên tương đối chênh lệch. Những rào cản từ trình độ phát triển có thể dẫn tới hạn chế về nhận thức và động lực về kí kết và thực thi

các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận về biên giới của các quốc gia, đặc biệt là quốc gia phát triển chậm hơn.

Thứ hai, sự phát triển vùng biên giới hạn chế, nguồn lực hạn chế cho công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội vùng biên, các thách thức an ninh phi truyền thống như buôn lậu và tội phạm xuyên biên giới, nguồn nước, áp lực phát triển kinh tế - thương mại; vấn đề xã hội, dân cư; cho đến các nguy cơ môi trường xuyên biên giới. Trong đó, các tuyến biên giới thường được coi là địa bàn để các hoạt động tội phạm xuyên quốc gia như buôn bán ma túy, lừa đảo, buôn bán người vv... (Luong, 2019)

3.2. Vấn đề tồn tại và nhân tố tác động ở từng khu vực biên giới Việt Nam và ba nước láng giềng

3.2.1. Tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia

Thứ nhất, việc thực hiện các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương trên tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia vẫn tồn tại nhiều nhân tố bất định. Sự phức tạp của tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia bắt nguồn từ nhiều yếu tố; bao gồm sự khác biệt giữa bản đồ và thực địa do biến động tự nhiên hoặc thay đổi do con người, các vấn đề do lịch sử để lại và đặc biệt là sự nhạy cảm chính trị cao độ của vấn đề biên giới trong nội bộ Campuchia, nơi các nhóm chính trị đối lập thường lợi dụng vấn đề này để cản trở (Un, 2015). Cùng với đó yếu tố chính trị nội bộ và tinh thần chủ nghĩa dân tộc của Campuchia, nơi vấn đề biên giới thường bị một số nhóm chính trị đối lập sử dụng để gây áp lực trên chính phủ Campuchia, từ đó, tạo ra khó khăn cho tiến trình đàm phán. tính chất pháp lý của đường biên giới này vốn phức tạp hơn so với các tuyến khác do vấn đề lịch sử để lại. Các đoạn còn lại (16%) được cho là những khu

vực tương đối phức tạp. Trong đó, khu vực biên giới tỉnh Kiên Giang với Campuchia (đoạn từ mốc 296 đến mốc 300) khoảng 213 km (Thủy, 2023). Nguyên nhân đến từ sự khác biệt trong diễn giải về các căn cứ sử dụng để hoàn thành phân giới và cắm mốc. Trong đó, sự khác biệt trong diễn giải các bản đồ và tài liệu pháp lý lịch sử (chủ yếu là bản đồ Bonne 1/100.000 thời Pháp thuộc) vốn không đầy đủ và thiếu chính xác (Harley & Woodward, 1994).

Tình trạng chưa phân giới rõ ràng dẫn đến các vụ việc xâm canh, xâm cư, xây dựng công trình trái phép ở các khu vực nhiều yếu tố bất định kể trên (Nam, 2024; Un, 2015). Ngay cả ở những đoạn đã PGCM, việc quản lý mốc giới cũng gặp khó khăn do các hành vi phá hoại cột mốc, cọc dấu¹⁰ hoặc mốc bị hư hỏng, sạt lở cần xử lý, khắc phục (VTV, 2022). Hai bên cũng đang thảo luận về việc xử lý các cột mốc cũ còn tồn tại và cắm thêm cọc dấu phụ để làm rõ hướng đi đường biên ở một số khu vực (phủ, 2022). Trong khi chờ đợi giải pháp cuối cùng cho 16% đường biên giới còn lại, việc quản lý các khu vực này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ và thận trọng giữa hai bên để duy trì ổn định, ngăn ngừa xung đột, và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đàm phán tiếp theo. Nguyên tắc chung cần tuân thủ là duy trì hiện trạng quản lý thực tế và giải quyết mọi vấn đề nảy sinh thông qua cơ chế song phương.

Chủ nghĩa dân tộc và sự thay đổi trong chính trị nội bộ Campuchia được coi là một trong những nhân tố không thuận lợi đối với thực thi các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận về biên giới. Tinh thần dân tộc chủ nghĩa thường bị các nhóm chính trị tại Campuchia sử dụng để gây sức ép đối với chính quyền trong các chính sách; bao gồm chính sách phát triển biên giới, chính sách đối ngoại với Việt Nam (straitstimes, 2025; Un, 2015).

Hơn nữa, Campuchia đã tuyên bố rút khỏi tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia có thể khiến những nguồn lực tập trung phát triển biên giới; bao gồm nguồn lực phục vụ cho thực thi các hiệp ước, hiệp định liên quan suy giảm, bao gồm việc quản lý khu vực biên giới chưa được phân định, thậm chí Campuchia có thể tận dụng nguồn lực của bên thứ ba để giải quyết vấn đề kẻ phát triển biên giới (Sang, 2025).

Thứ hai, các cơ chế liên hiệp song phương Việt Nam - Campuchia được coi là một trong những nhân tố thúc đẩy triển khai các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận, nghị định thư song phương và đa phương về biên giới giữa hai bên. Trong đó, Việt Nam và Campuchia đã thành lập Ủy ban liên hợp phân giới cắm mốc, là cơ chế hợp tác cao nhất trong lĩnh vực biên giới giữa hai nước. Ngoài ra, các cấp tỉnh, huyện, xã ở khu vực biên giới cũng thiết lập cơ chế hợp tác định kỳ; gặp gỡ, hội đàm từ hội nghị hợp tác phát triển, hội nghị trao đổi thông tin an ninh – quốc phòng đến hội nghị giao lưu nhân dân. Thêm vào đó, hai bên thực hiện cơ chế đại diện biên giới, trong đó, các lực lượng chức năng hai nước thường xuyên tuần tra song phương, kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm đường biên, vi phạm quy chế. Việt Nam – Campuchia.

3.2.2. Tuyên biên giới Việt Nam – Lào

Tuyên biên giới Việt Nam – Lào đã hoàn thành phân giới và cắm mốc trên tuyến biên giới. Từ đó, Việt Nam - Lào tập trung trọng điểm vào quản lý hiệu quả tuyến biên giới song phương. Trong đó, mức độ đồng thuận và tin cậy chính trị giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào không ngừng củng cố và phát triển. Sự tin cậy và sự đồng thuận cho thấy hai bên đã phối hợp chặt chẽ, khắc phục nhiều khó khăn về địa hình và nguồn lực để hoàn thành

dự án tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới.

Tuy nhiên, tuyến biên giới Việt Nam – Lào vẫn tồn tại một số thách thức mang tính đặc thù. Cụ thể hơn, địa hình phức tạp, dân cư phân bố thưa thớt, hạ tầng hạn chế khiến công tác quản lý gặp khó khăn, đặc biệt tại các điểm giáp ranh sâu trong rừng hoặc vùng núi cao. Hiện tượng xói lở, sạt lở tại các điểm mốc hoặc mất mốc do thời tiết cực đoan cũng đòi hỏi các biện pháp giám sát và bảo dưỡng liên tục. Bên cạnh đó, đời sống một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng biên còn nghèo khó, thiếu cơ hội tiếp cận thông tin, giáo dục, dịch vụ công. Điều này làm tăng nguy cơ bị các đối tượng xấu dụ dỗ, kích động, đặc biệt trong bối cảnh diễn biến an ninh phi truyền thống ngày càng tinh vi. Do vậy, tăng cường giáo dục pháp luật, hỗ trợ sinh kế, đầu tư hạ tầng và nâng cao năng lực cán bộ biên giới là những giải pháp cần triển khai mạnh mẽ hơn nữa.

Các cơ chế phối hợp giữa Việt Nam và các quốc gia láng giềng được coi là nhân tố chính thúc đẩy triển khai và thực thi các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận, ghi nhớ về biên giới đất liền, Việt Nam và các nước láng giềng đã xây dựng các cơ chế phối hợp. Các cơ chế phối hợp tương đối đa dạng và được thiết lập ở nhiều cấp; cơ chế giao ban, trao đổi thông tin thường xuyên; cơ chế trao đổi thông tin khi có sự kiện biên giới; cơ chế tuần tra chung; các hình thức giao lưu hữu nghị, kết nghĩa; cơ chế kết nghĩa ở các cấp tỉnh, huyện, xã, thôn, bản... Các cơ chế giúp phối hợp thường xuyên, khá chặt chẽ. Đáng chú rằng, Việt Nam và Lào đã thiết lập cơ chế Ủy ban liên hợp biên giới, tiến hành họp định kỳ giữa các lực lượng chức năng như Bộ đội Biên phòng, Công an, Hải quan, Chính quyền cấp tỉnh, huyện và thôn bản. Đặc biệt, mô hình “kết nghĩa thôn - bản hai

bên biên giới” như giữa tỉnh Quảng Nam và tỉnh Sekong được triển khai rộng rãi, là điển hình cho việc nhân dân đóng vai trò chủ thể trong bảo vệ biên giới.

3.2.3. *Tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc*

Một mặt, ngoài các vấn đề tồn tại chung tại ba tuyến biên giới về an ninh phi truyền thống, hoạt động thương mại và phát triển kinh tế cửa khẩu, tại tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc, việc triển khai các hiệp ước, thỏa thuận mới có lúc diễn ra chậm chạp do khác biệt cách hiểu và thủ tục mỗi nước. Một mặt, thỏa thuận hợp tác khai thác du lịch khu vực thác Bản Giốc – Đứ Thiên (Cao Bằng) mặc dù ký từ 2015 nhưng đến 2023 mới bắt đầu vận hành thí điểm, do quá trình đàm phán kỹ thuật, xây dựng hạ tầng và ảnh hưởng dịch bệnh (Hoàng, 2025). Mặt khác, đây là mô hình hợp tác khai thác chung du lịch tại khu vực biên giới lần đầu tiên giữa Việt Nam và Trung Quốc, thể hiện cách tiếp cận linh hoạt, sáng tạo nhằm kết hợp bảo vệ chủ quyền với thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng cường giao lưu nhân dân.

Thêm vào đó, các văn bản hướng dẫn thực thi các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương Việt Nam – Trung Quốc vẫn chưa đáp ứng được sự biến đổi của thực tiễn trên tuyến biên giới. Nói cách khác, sự phối hợp triển khai của hai bên vẫn còn tồn tại liên quan đến các quy định pháp luật cụ thể giữa hai nước. Trong đó, một số nội dung trong các điều ước song phương như quy định về cư dân biên giới, vận chuyển hàng hóa, cấp giấy chứng nhận qua lại vẫn còn chưa được cụ thể hóa đầy đủ, gây lúng túng trong thực tiễn áp dụng. Việc xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành chi tiết, phù hợp với điều kiện thực tế, có thể góp phần khắc phục hạn chế và nâng cao hiệu quả triển khai

trên thực địa.

Mặt khác, khuôn khổ hợp tác quản lý biên giới Việt-Trung Quốc được thể chế hóa ở mức độ cao và vận hành tương đối bài bản. Trong đó, Việt Nam – Trung Quốc đã thiết lập Ủy ban Công tác liên hợp biên giới đất liền Việt – Trung (Quế, 2016), hai bên còn xây dựng các hình thức hợp tác linh hoạt như Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới cấp Bộ trưởng (Báo Quân đội Nhân dân, 2025), kết nghĩa Đồn – Trạm Biên phòng, hội nghị giao ban định kỳ giữa lực lượng chức năng cấp tỉnh, huyện. Cụ thể hơn, công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng hai nước không ngừng được tăng cường, đặc biệt là biên phòng, hải quan và công an cửa khẩu, được duy trì thường xuyên thông qua các hoạt động tuần tra song phương, trao đổi thông tin, hợp tác trong phòng chống buôn lậu, nhập cảnh trái phép và các loại hình tội phạm xuyên quốc gia.

4. **Thảo luận**

Thứ nhất, Việc ký kết các hiệp định, hiệp ước, các văn bản liên quan đến hoạch định, phân định, quản lý biên giới cho thấy nỗ lực của Việt Nam và ba quốc gia láng giềng trong việc duy trì biên giới hòa bình ổn định, đóng góp vào nỗ lực bảo vệ chủ quyền của Việt Nam. Trong đó, ý chí chính trị của lãnh đạo cấp cao và bản chất của mối quan hệ song phương là những nhân tố có ảnh hưởng chi phối và quyết định nhất đến tiến độ và kết quả thực thi các hiệp định, hiệp ước, thỏa thuận song phương giữa Việt Nam và ba nước láng giềng. Đồng thời, việc thực thi kể trên Việc thực hiện các hiệp định biên giới song phương của Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia là một quá trình phức tạp, chịu tác động đa chiều từ các yếu tố chính trị, kinh tế - xã hội, kỹ thuật - pháp lý, quốc tế - khu vực và an ninh phi truyền thống... Trong đó, mối quan hệ “đặc

biệt” Việt Nam – Lào tạo thuận lợi tối đa cho việc thực thi kể trên; hai bên đã hoàn thành toàn bộ công tác PGCM và tăng dày, tôn tạo mốc quốc giới, trở thành hình mẫu về hợp tác biên giới hòa bình, hữu nghị. Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện và nhận thức chung về xây dựng “cộng đồng chia sẻ tương lai có ý nghĩa chiến lược Việt Nam – Trung Quốc”; tăng cường xây dựng lòng tin chiến lược giữa hai bên được coi là nền tảng cơ sở để triển khai các văn bản về biên giới giữa hai bên; việc hoàn thành phân giới và cắm mốc trên tuyến biên giới Việt Nam – Trung Quốc trên bộ nhờ quyết tâm chính trị mạnh mẽ và lợi ích chiến lược chung về ổn định biên giới đất liền. Tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia đã đạt được thành quả quan trọng với 84% đường biên giới được PGCM, tuy nhiên, 16% còn lại vẫn là thách thức do vướng mắc về kỹ thuật, pháp lý và đặc biệt là các yếu tố lịch sử, chính trị nội bộ và tâm lý dân tộc tại Campuchia.

Thứ hai, các yếu tố kinh tế - xã hội đóng vai trò vừa là động lực thúc đẩy thương mại, phát triển vùng biên, đồng thời, và các thách thức từ chênh lệch phát triển giữa các khu vực biên giới của Việt Nam và các quốc gia láng giềng. Thêm vào đó, các yếu tố kỹ thuật - pháp lý như chất lượng hiệp định, năng lực PGCM, cơ chế giải quyết tranh chấp, các căn cứ kỹ thuật và pháp lý là điều kiện cần để triển khai hiệu quả, hoạt động hợp tác quốc tế và khu vực như luật pháp quốc tế, vai trò của ASEAN, hợp tác khu vực tiểu vùng Mekong tạo môi trường và khuôn khổ hỗ trợ. Các thách thức an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên biên giới, di cư, dịch bệnh, môi trường đòi hỏi sự hợp tác liên tục và thích ứng không ngừng giữa Việt Nam và ba nước láng giềng.

5. Thay lời kết

Việc thực hiện các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận song phương và đa phương về biên giới đất liền giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào và Campuchia đã đạt được nhiều kết quả tích cực, thể hiện rõ quyết tâm chính trị, thiện chí hợp tác và sự ổn định trong quan hệ song phương. Bài viết đã phân tích thực trạng triển khai các văn bản pháp lý về biên giới, chỉ ra những thuận lợi và thách thức trong quá trình thực thi. Nhìn chung, Việt Nam đã cơ bản hoàn thiện khung pháp lý về hoạch định, phân giới, cắm mốc và quản lý biên giới; thiết lập các cơ chế phối hợp ở nhiều cấp; đồng thời thúc đẩy hợp tác an ninh, kinh tế – xã hội tại các vùng biên. Tuyến biên giới Việt Nam – Lào được coi là hình mẫu điển hình về hợp tác hiệu quả và ổn định; tuyến Việt Nam – Trung Quốc đã hoàn tất phân giới và xây dựng được cơ chế phối hợp tương đối bài bản; trong khi đó, tuyến Việt Nam – Campuchia vẫn còn khoảng 16% chiều dài chưa phân giới, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố lịch sử, chính trị và chủ nghĩa dân tộc. Từ quá trình nghiên cứu, một số vấn đề nổi bật được rút ra gồm: vai trò trung tâm của yếu tố chính trị – ngoại giao trong thúc đẩy triển khai; thách thức từ các nguy cơ an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng; chênh lệch phát triển và năng lực hành chính giữa các khu vực biên giới; sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả phối hợp và chia sẻ thông tin; và cuối cùng là vai trò hỗ trợ quan trọng của luật pháp quốc tế và các cơ chế khu vực như ASEAN. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục chủ động thúc đẩy hợp tác biên giới, hoàn thiện thể chế phối hợp, nâng cao năng lực thực thi tại địa phương và kết hợp hài hòa giữa bảo vệ chủ quyền với phát triển bền vững khu vực biên giới.

Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp Bộ theo Hợp đồng số 149/HĐKH-KHXH do TS. Vũ Quý Sơn làm Chủ nhiệm, thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ: “Nghiên cứu tổng thể vùng biên giới đất liền ở Việt Nam góp phần phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, chính trị trong điều kiện hiện nay”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo Quân đội Nhân dân. (2025). *Giao lưu hữu nghị quốc phòng biên giới Việt Nam-Trung Quốc lần thứ 9 chính thức bắt đầu*. Báo Quân đội Nhân dân. Retrieved 20/2/2025 from <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-ngoai-quoc-phong/giao-luu-huu-nghi-quoc-phong-bien-gioi-viet-nam-trung-quoc-lan-thu-9-chinh-thuc-bat-dau-824138>
- Bộ Quốc phòng Việt Nam. (2019). Danh sách các Hiệp định về biên giới giữa nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước láng giềng. In Bộ Quốc phòng Việt Nam (Ed.), *Quốc phòng Việt Nam 2019*. Nhà xuất bản Chính trị sự thật.
- Cường, V. (2024). *Đưa quan hệ Việt Nam - Campuchia đi vào giai đoạn phát triển mới*. VOV - Đài Tiếng nói Việt Nam. Retrieved 20/02/2025 from <https://vov.vn/chinh-tri/dua-quan-he-viet-nam-campuchia-di-vao-giai-doan-phat-trien-moi-post1106948.vov>
- Đông, N. M. (2021). *Giải quyết các vấn đề biên giới, lãnh thổ của Việt Nam: Kết quả và bài học kinh nghiệm*. Retrieved 24/04/2025 from <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/821647/giai-quyet-cac-van-de-bien-gioi%2C-lanh-tho-cua-viet-nam--ket-qua-va-bai-hoc-kinh-nghiem.aspx>
- Giang, N. T. (2009). *Hoàn thành công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam và Trung Quốc*. Retrieved 20/05/2024 from <https://tapchiconsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/2519/hoan-thanh-cong-tac-phan-gioi-cam-moc-bien-gioi-dat-lien-viet-nam-va-trung-quoc.aspx>
- Hà, T. (2025). *Việt Nam lên tiếng về tình hình phân giới cắm mốc với Campuchia*. Retrieved 20/04/2025 from <https://laodong.vn/doi-ngoai/viet-nam-len-tieng-ve-tinh-hinh-phan-gioi-cam-moc-voi-campuchia-1049359.ldo>
- Harley, J. B., & Woodward, D. (1994). Cartography in Vietnam. In J. B. Harley & W. David (Eds.), *The History of Cartography, Volume 2, Book 2*. University of Chicago Press.
- Hoàng, V. (2025). *Việt - Trung sắp vận hành chính thức khu cảnh quan thác Bản Giốc - Đức Thiên*. Retrieved 03/04/2025 from <https://vnexpress.net/viet-trung-sap-van-hanh-chinh-thuc-khu-canhh-quan-thac-ban-gioc-duc-thien-4803619.html>
- Huong, N. T. M., & Vu, G. C. (2023). Criminal Justice Responses to Trafficking in Persons: Changes for Implementing ASEAN Convention on Trafficking in Persons in Vietnam. *JSEHR*, 7, 73.
- Luong, H. (2019). Drug Trafficking Across Vietnam's Borderlands. In (pp. 27-52). https://doi.org/10.1007/978-3-030-15773-9_2

- Minh, H. (2025). *Hai văn kiện về cắm mốc biên giới Việt Nam - Campuchia chính thức có hiệu lực*. Retrieved 14/03/ from <https://baochinhphu.vn/hai-van-kien-phap-ly-ve-cam-moc-bien-gioi-dat-lien-viet-nam-campuchia-chinh-thuc-co-hieu-luc-102284785.htm>
- Nam, B. p. V. (2024). *Hiệu quả của công tác phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia*. Cổng thông tin Biên phòng Việt Nam. Retrieved 22/04/2024 from <https://bienphongvietnam.gov.vn/hieu-qua-cua-cong-tac-phan-gioi-cam-moc-bien-gioi-dat-lien-viet-nam-campuchia.html>
- phủ, B. C. (2022). *Họp Chủ tịch Ủy ban liên hợp biên giới Việt Nam-Campuchia*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Retrieved 20/2/2024 from <https://baochinhphu.vn/hop-chu-tich-uy-ban-lien-hop-bien-gioi-viet-nam-campuchia-campuchia-viet-nam-102220618055012688.htm>
- Quế, P. T. N. (2016). Một số kết quả triển khai công tác phân giới cắm mốc biên giới giữa Việt Nam với các nước láng giềng. *Tạp chí Khoa học Đo đạc và Bản đồ* (27), 58-64.
- Reuters. (2023). *Cambodia's ruling party claims win in one-sided election ahead of historic transition*. Retrieved 15/-3/2025 from <https://www.abc.net.au/news/2023-07-24/cambodia-pm-party-claims-landslide-election-win/102637802>
- Sang, H. T. (2025). *Cambodia's Trilateral Deal Pullout Strains its Relations with Vietnam*. Retrieved 23/07/2024 from <https://fulcrum.sg/cambodias-trilateral-deal-pullout-strains-its-relations-with-vietnam/>
- Sch, P. (2025). *Cambodia, Vietnam Committed to Continue Ensuring Stability and Security along Common Border*. Retrieved 15/05/ from <https://pressocm.gov.kh/en/archives/35032>
- straitstimes. (2025). *Cambodia pulls out of border development deal with Vietnam, Laos*. Retrieved 21/04/2025 from <https://www.straitstimes.com/asia/se-asia/cambodia-pulls-out-of-border-development-deal-with-vietnam-laos>
- Thanh, C. V. (2025). International cooperation on human trafficking in some countries in Southeast Asia. *VNU Journal of Foreign Studies*, 41, 184-195.
- Thành, N. M. (2024). *Ủng hộ việc giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới dựa trên các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế*. <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/giai-quiet-tranh-chap-bang-bien-phap-hoa-binh-chinh-sach-quoc-phong-dung-dan-cua-viet-nam-783452>
- Thao, N. H. (2021). *Tổng quan biên giới lãnh thổ Việt Nam*. <https://ttdn.vn/nguyen-cuu-trao-doi/ly-luan-thuc-tien/tong-quan-bien-gioi-lanh-tho-viet-nam-54097>
- Thủy, K. (2023). *Việt Nam-Campuchia còn 213km đường biên giới chưa phân giới, cắm mốc xong* Retrieved 12/03/2025 from <https://baophapluat.vn/tuyen-truyen-cong-tac-bien-gioi-tren-dat-lien-viet-nam-campuchia-post496313.html>

- Tĩnh, T. (2024). *Phối hợp tuyên truyền, quản lý biên giới trên đất liền Việt Nam - Lào*. Báo Tin tức. Retrieved 20/04/2025 from <https://baotintuc.vn/thoi-su/phoi-hop-tuyen-truyen-quan-ly-bien-gioi-tren-dat-lien-viet-nam-lao-20241016180726768.htm>
- Trần Thị Thu Phương, & Đức, L. M. (2025). *Việt Nam - Lào: Mối quan hệ đặc biệt được tạo dựng từ trong lịch sử*. Tạp chí Cộng sản. Retrieved 20/03/2025 from <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/825012/viet-nam---lao--moi-quan-he-dac-biet-duoc-tao-dung-tu-trong-lich-su.aspx>
- Trục, T. C. (2021). *Lãnh thổ Việt Nam – Lịch sử và pháp lý*. Thông tin và Truyền thông.
- Tum, S. N. v. K. (2025). *Vì đường biên giới Việt Nam - Campuchia hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển*. <https://sngv.kontum.gov.vn/tin-trong-nuoc/Vi-duong-bien-gioi-Viet-Nam--Campuchia-hoa-binh,-huu-nghi,-hop-tac-va-phat-trien-9869>
- Un, K. (2015). *How Cambodian nationalism is driving border disputes with Vietnam*. East Asia Forum. Retrieved 20/02/2024 from <https://eastasiaforum.org/2015/10/16/how-cambodian-nationalism-is-driving-border-disputes-with-vietnam/>
- Vân, H. (2023). *Xây dựng "Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược" là dấu mốc lịch sử trọng đại*. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Retrieved 25/05/2025 from <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/xay-dung-cong-dong chia-se-tuong-lai-viet-nam-trung-quoc-mang-y-nghia-chien-luoc-la-dau-moc-lich-su-trong-dai-119231213192702546.htm>
- VTV. (2022). *Việt Nam và Campuchia tìm giải pháp để phân giới cắm mốc 16% đường biên giới còn lại*. Đài Truyền hình Việt Nam. Retrieved 20/02/2025 from <https://vtv.vn/chinh-tri/viet-nam-va-campuchia-tim-giai-phap-de-phan-gioi-cam-moc-16-duong-bien-gioi-con-lai-20220618122830104.htm>
- Vũ, D. N. (2011). *Biên giới trên đất liền Việt Nam–Trung Quốc*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
- Yusran, R. (2018). The ASEAN convention against trafficking in persons: A preliminary assessment. *Asian Journal of International Law*, 8(1), 258-292.

Ngày nhận bài: 18/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 21/8/2025